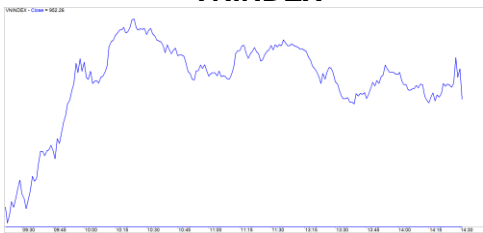


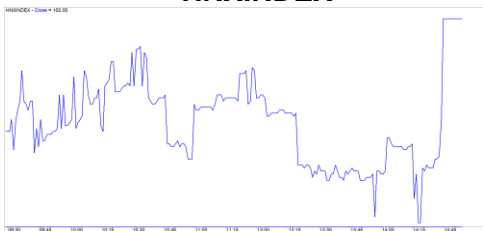
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	952.26	102.00	55.47
% ngày	0.12%	0.20%	0.31%
% tuần	-1.64%	-0.69%	-0.09%
% tháng	-5.56%	-3.31%	-2.72%
% năm	3.59%	-2.07%	5.28%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,351	281	266
TB 1 tuần	4,939	350	190
TB 1 tháng	4,613	301	211
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	833.09	2.23	6.33
Bán	639.71	5.80	2.81
Giá trị ròng	193.38	-3.57	3.52
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	126	73	172
Mã Giảm	147	45	96
Không Đổi	116	251	634
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	15.53	9.04	17.21
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,251	191	945
LS Cổ tức	2.28%	4.24%	4.02%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index có phiên tăng điểm đầu tiên sau 4 phiên giảm liên tiếp. Chỉ số đóng cửa tại 952.26 điểm với mức tăng khiêm tốn 0.12%. Chỉ số HNX-Index và Upcom-Index cũng tăng lần lượt 0.19% và 0.5% và đóng cửa lần lượt tại 102 điểm và 55.47 điểm. Điểm trừ là giá trị giao dịch khớp lệnh chỉ đạt mức khoảng 3,300 tỷ đồng trong phiên tăng điểm hôm nay.

Thị trường tiếp tục có sự phân hóa trong đó VCB(+1.5%), VRE(+1.4%), VNM(+0.9%), GAS(+0.3%), GMD(+1.1%), HPG(+1.1%) đóng góp chính vào đà tăng của chỉ số. VRE cũng ghi nhận phiên hồi phục đầu tiên sau khi giảm mạnh vừa qua trong khi VNM có phiên thứ 2 liên tiếp khá tích cực và giá đang nâng đậy cao hơn. Ở chiều ngược lại, BVH(-2.1%), MBB(-1.4%), TCB(-1.5%), MBB(-1.4%), HDB(-0.9%) là những mã ảnh hưởng tiêu cực tới chỉ số. Nhiều mã Mid-Cap bất ngờ bị bán mạnh như TCH(-4.9%), PHR(-2.5%), GTN(-2.4%) khiến chỉ số VN-MID-Index giảm 0.5% trong phiên hôm nay. Mã HAI giảm kịch sàn đóng cửa tại 3,720 đồng ghi nhận phiên giảm mạnh thứ 2 liên tiếp ở cuối phiên này.

Khối ngoại là điểm sáng trong phiên hôm nay khi mua ròng mạnh hơn 193 tỷ đồng. VNM(87.8 tỷ), VCB(65.3 tỷ) và E1VFN30(30.4 tỷ) là các mã được mua ròng tích cực nhất. Ở chiều ngược lại, chỉ mỗi VIC(40 tỷ) bị bán ròng đáng kể nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ biến động mạnh và kèm thanh khoản cao khi đây là phiên cơ cấu danh mục của hai quỹ ETF. Đồng thời, rủi ro ngắn hạn có dấu hiệu giảm nhẹ, nhưng mức rủi ro vẫn còn cao và nếu đồ thị giá duy trì đà hồi phục trong phiên kế tiếp thì chúng tôi đánh giá mức rủi ro ngắn hạn có thể sẽ tiếp tục giảm. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 967.62 điểm của chỉ số VN-Index và 103.69 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, trên quan điểm thận trọng, các nhà đầu tư vẫn tiếp tục đứng ngoài thị trường. Đồng thời, nếu nhà đầu tư đã tham gia giải ngân trước đó thì có thể cơ cấu lại danh mục và hạn chế mua mới trong giai đoạn hiện tại.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 38% cổ phiếu/62% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804

We Create Fortune

## BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	13.55	GIẢM	GIẢM		14.33				15.40		
ACB	22.50	GIẢM	GIẢM		23.38			24.00	22.57	-5.95%	
ACV	75.10	TĂNG	GIẢM	74.00	72.31	1.49%			78.74		
ANV	22.00	GIẢM	GIẢM	22.95	22.04	-3.98%	BÁN		25.91		
ASM	6.69	TĂNG	GIẢM	6.71	6.65	-0.30%			7.24		
BFC	11.85	GIẢM	GIẢM		12.69				16.05		
BID	42.20	TĂNG	TĂNG	41.90	40.31	0.72%		33.40	38.49	26.35%	
BMP	46.60	TĂNG	TĂNG	49.00	46.21	-4.90%		48.30	46.42	-3.52%	
BSR	8.10	GIẢM	GIẢM		8.89				10.51		
BVH	71.50	TĂNG	GIẢM	72.70	69.87	-1.65%			74.17		
BWE	25.00	TĂNG	GIẢM	17.40	23.87	43.68%			25.84		
CEO	9.10	TĂNG	GIẢM	9.30	8.81	-2.15%			9.80		
CII	22.50	GIẢM	TĂNG		23.64			24.45	22.23	-7.98%	
CMG	36.00	GIẢM	TĂNG		38.26			23.20	34.96	55.17%	
CMX	15.40	GIẢM	GIẢM		16.21				20.03		
CSM	14.10	GIẢM	GIẢM		14.46			14.39	14.22	-1.15%	BÁN
CTD	61.00	GIẢM	GIẢM		65.91				75.63		
CTG	20.15	TĂNG	GIẢM	20.60	19.65	-2.18%			21.78		
CTR	40.10	TĂNG	N/A	43.30	40.08	-7.39%		-	N/A		
CVT	20.40	GIẢM	GIẢM		21.33				22.85		
DCM	6.63	GIẢM	GIẢM		6.78				7.30		
DGC	27.20	GIẢM	TĂNG		29.18			29.70	24.84	-8.42%	
DGW	22.70	GIẢM	GIẢM		24.20				25.88		
DHA	30.70	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-3.61%			32.52		
DHC	39.00	GIẢM	TĂNG		41.40			37.70	36.98	3.45%	
DHG	92.70	GIẢM	GIẢM		95.01				99.56		
DIG	13.40	GIẢM	GIẢM		13.90				14.69		
DPG	44.30	GIẢM	GIẢM		45.90				50.61		
DPM	12.90	GIẢM	GIẢM	13.50	12.96	-4.01%	BÁN		14.36		
DPR	38.40	GIẢM	TĂNG	37.60	38.44	2.24%	BÁN	41.30	37.99	-7.02%	
DQC	15.70	GIẢM	GIẢM		16.41				17.68		
DRC	22.45	GIẢM	TĂNG		23.82			21.60	21.25	3.94%	
DXG	13.95	GIẢM	GIẢM		14.60				16.12		
EIB	16.60	GIẢM	TĂNG		17.60			18.40	16.46	-9.78%	
FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		

We Create Fortune

FMC	27.55	TĂNG	TĂNG	27.45	26.70	0.36%		31.60	26.18	-12.82%	
FPT	55.80	TĂNG	TĂNG	57.00	55.02	-2.11%		46.00	54.99	21.30%	
GAS	95.80	GIẢM	GIẢM		100.28				108.03		
GEX	19.70	GIẢM	GIẢM		20.48				21.53		
GIL	17.45	GIẢM	GIẢM		18.53				20.90		
GMD	23.80	TĂNG	GIẢM	23.60	22.87	0.85%			25.34		
GTN	22.00	TĂNG	TĂNG	21.70	21.06	1.38%		15.00	18.98	46.67%	
GVR	12.00	GIẢM	N/A		12.93				N/A		
HAG	3.95	TĂNG	GIẢM	3.86	3.82	2.33%			4.22		
HAX	17.65	TĂNG	GIẢM	18.60	17.42	-5.11%			20.95		
HBC	10.60	GIẢM	GIẢM		11.45				12.77		
HCM	21.30	GIẢM	GIẢM		23.25			23.40	22.58	-3.51%	
HDB	26.20	GIẢM	GIẢM		27.83				29.49		
HDC	23.20	TĂNG	TĂNG	23.10	21.99	0.43%		15.25	20.25	52.13%	
HDG	32.60	TĂNG	GIẢM	32.95	31.50	-1.06%			35.72		
HNG	14.15	GIẢM	GIẢM		14.92				15.88		
HPG	22.80	GIẢM	TĂNG		23.87			23.85	21.17	-4.40%	
HSG	8.13	TĂNG	TĂNG	8.40	8.00	-3.21%		7.75	6.98	4.90%	
HT1	14.95	TĂNG	TĂNG	15.25	14.66	-1.97%		16.90	13.91	-11.54%	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVN	34.20	GIẢM	GIẢM		34.76				36.93		
KBC	14.85	GIẢM	TĂNG		15.08			15.35	14.00	-3.26%	
KDH	26.30	GIẢM	TĂNG		27.13			24.00	24.58	9.58%	
KSB	17.85	TĂNG	GIẢM	17.75	17.04	0.56%			19.42		
LCG	8.15	TĂNG	GIẢM	8.54	7.97	-4.57%			8.76		
LDG	8.50	GIẢM	GIẢM		9.24				10.22		
LHG	15.20	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89		
LPB	7.20	GIẢM	GIẢM		7.65				8.13		
MBB	20.70	GIẢM	GIẢM		21.94			21.85	21.83	-0.10%	BÁN
MPC	20.60	TĂNG	GIẢM	20.10	19.76	2.49%			23.55		
MSN	55.60	GIẢM	GIẢM		60.32				72.99		
MSR	13.80	GIẢM	GIẢM		14.63				16.67		
MWG	110.00	TĂNG	GIẢM	113.40	109.49	-3.00%			122.49		
NDN	16.90	TĂNG	TĂNG	17.40	16.71	-2.87%		13.70	16.27	23.36%	
NKG	6.77	TĂNG	TĂNG	6.50	6.75	4.15%		7.11	6.45	-4.78%	MUA
NLG	26.50	GIẢM	TĂNG		27.53			28.70	26.30	-7.67%	
NT2	22.30	GIẢM	GIẢM		22.82				24.05		
NTL	23.85	TĂNG	GIẢM	24.40	23.42	-2.25%			24.88		
NVL	55.70	GIẢM	GIẢM		57.48				60.82		



We Create Fortune

OIL	8.70	GIẢM	GIẢM		9.61			10.77		
PAC	25.35	TĂNG	GIẢM	25.80	24.79	-1.74%		27.90		
PC1	17.50	GIẢM	GIẢM		18.12			20.48		
PDR	25.50	GIẢM	TĂNG		27.13		29.00	25.39	-12.07%	
PHR	51.10	GIẢM	GIẢM		54.87			63.14		
PLX	55.40	GIẢM	GIẢM		57.05			61.28		
PNJ	81.50	GIẢM	TĂNG		84.55		77.07	78.71	5.75%	
POW	12.45	GIẢM	GIẢM		12.86			13.98		
PVT	16.60	GIẢM	TĂNG		17.18		18.30	16.28	-9.29%	
PPC	28.50	TĂNG	TĂNG	28.30	27.77	0.71%	28.40	24.50	0.35%	
PTB	72.00	GIẢM	TĂNG		72.64		64.00	68.51	12.50%	
PVB	18.70	GIẢM	TĂNG		19.03		19.42	18.62	-3.69%	BÁN
PVD	15.20	GIẢM	GIẢM		15.20			17.08		
PVI	31.00	GIẢM	GIẢM		31.93			34.22		
PVS	17.90	TĂNG	GIẢM	17.80	16.94	0.56%		19.30		
PXS	5.40	GIẢM	TĂNG		5.70		6.20	4.88	-12.90%	
QNS	29.00	GIẢM	TĂNG		29.83		33.80	28.38	-14.20%	
REE	35.80	GIẢM	TĂNG		37.19		33.33	35.23	7.43%	
SAB	233.00	GIẢM	GIẢM		240.04			255.47		
SAM	8.17	TĂNG	TĂNG	8.15	7.94	0.25%	7.40	7.58	10.41%	
SCR	5.54	GIẢM	TĂNG		5.99		6.33	5.40	-12.48%	
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.22		6.99	8.30	28.76%	
SJS	16.85	GIẢM	GIẢM		16.92			16.88		
SKG	11.45	TĂNG	GIẢM	11.60	11.18	-1.29%		11.70		
SSI	18.10	GIẢM	GIẢM		19.41			21.51		
STB	9.93	GIẢM	GIẢM		10.28			10.82		
TCB	22.35	GIẢM	GIẢM	23.45	22.36	-4.64%	BÁN	25.07		
TCM	19.40	TĂNG	GIẢM	19.95	19.14	-2.76%		22.29		
TDH	9.92	GIẢM	GIẢM	10.25	9.92	-3.18%	BÁN	11.11		
TLH	4.19	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	3.20%		4.43		
TNG	15.50	TĂNG	GIẢM	15.10	14.47	2.65%		16.69		
VCB	88.00	TĂNG	TĂNG	87.50	84.75	0.57%	62.00	84.02	41.94%	
VCG	26.90	TĂNG	TĂNG	27.00	26.60	-0.37%	19.20	25.35	40.10%	
VCS	82.20	TĂNG	GIẢM	83.10	79.18	-1.08%		91.56		
VGC	18.05	GIẢM	GIẢM		18.42			19.68		
VGT	8.10	GIẢM	GIẢM		8.90			8.95		
VHC	77.00	GIẢM	GIẢM		81.16			83.84		
VHM	83.90	GIẢM	GIẢM		88.58		90.20	89.66	-0.60%	BÁN
VIB	17.10	GIẢM	TĂNG		17.34		17.70	16.56	-3.39%	



We Create Fortune

VIC	115.80	GIẢM	TĂNG		117.72			112.00	113.76	3.39%	
VIP	5.00	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	142.60	GIẢM	TĂNG		144.44			124.50	138.01	14.54%	
VND	14.55	TĂNG	GIẢM	14.10	13.88	3.19%			14.88		
VNG	19.85	GIẢM	GIẢM		20.95				22.24		
VNM	119.70	GIẢM	GIẢM		121.35				128.87		
VPB	19.20	GIẢM	GIẢM		19.96				21.37		
VPI	41.20	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	-0.24%	
VRC	24.95	TĂNG	TĂNG	16.05	22.72	55.45%		17.30	20.63	44.22%	
VRE	32.40	GIẢM	TĂNG		34.00			35.05	32.08	-7.56%	
VSC	26.00	TĂNG	GIẢM	25.45	24.56	2.16%			26.67		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.50	GIẢM	GIẢM		23.38			24.00	22.57	-5.95%	
BID	42.20	TĂNG	TĂNG	41.90	40.31	0.72%		33.40	38.49	26.35%	
BSR	8.10	GIẢM	GIẢM		8.89				10.51		
BVH	71.50	TĂNG	GIẢM	72.70	69.87	-1.65%			74.17		
CTG	20.15	TĂNG	GIẢM	20.60	19.65	-2.18%			21.78		
FPT	55.80	TĂNG	TĂNG	57.00	55.02	-2.11%		40.23	54.99	38.72%	
GAS	95.80	GIẢM	GIẢM		100.28				108.03		
GEX	19.70	GIẢM	GIẢM		20.48				21.53		
GVR	12.00	GIẢM	N/A		12.93				N/A		
HDB	26.20	GIẢM	GIẢM		27.83				29.49		
HNG	14.15	GIẢM	GIẢM		14.92				15.88		
HPG	22.80	GIẢM	TĂNG		23.87			23.85	21.17	-4.40%	
HVN	34.20	GIẢM	GIẢM		34.76				36.93		
KDH	26.30	GIẢM	TĂNG		27.13			24.00	24.58	9.58%	
MBB	20.70	GIẢM	GIẢM		21.94			19.72	21.83	10.69%	BÁN
MSN	55.60	GIẢM	GIẢM		60.32				72.99		
MWG	110.00	TĂNG	GIẢM	113.40	109.49	-3.00%			122.49		
NVL	55.70	GIẢM	GIẢM		57.48				60.82		
OIL	8.70	GIẢM	GIẢM		9.61				10.77		
PLX	55.40	GIẢM	GIẢM		57.05				61.28		
PNJ	81.50	GIẢM	TĂNG		84.55			77.07	78.71	5.75%	
POW	12.45	GIẢM	GIẢM		12.86				13.98		

We Create Fortune

QNS	29.00	GIẢM	TĂNG		29.83			33.26	28.38	-12.80%	
REE	35.80	GIẢM	TĂNG		37.19			33.33	35.23	7.43%	
ROS	23.70	GIẢM	GIẢM		24.99				26.94		
SBT	18.00	GIẢM	TĂNG		18.78			17.50	17.46	2.86%	
SSI	18.10	GIẢM	GIẢM		19.41				21.51		
STB	9.93	GIẢM	GIẢM		10.28				10.82		
TCB	22.35	GIẢM	GIẢM	23.45	22.36	-4.64%	BÁN		25.07		
TPB	20.80	GIẢM	GIẢM		21.53				23.94		
VCB	88.00	TĂNG	TĂNG	87.50	84.75	0.57%		62.00	84.02	41.94%	
VCG	26.90	TĂNG	TĂNG	27.00	26.60	-0.37%		18.44	25.35	45.87%	
VCS	82.20	TĂNG	GIẢM	83.10	79.18	-1.08%			91.56		
VEA	48.30	GIẢM	GIẢM		49.93				59.45		
VGI	25.20	TĂNG	N/A	26.80	24.48	-5.97%			N/A		
VHM	83.90	GIẢM	GIẢM		88.58			89.13	89.66	0.60%	BÁN
VIB	17.10	GIẢM	TĂNG		17.34			15.00	16.56	13.97%	
VIC	115.80	GIẢM	TĂNG		117.72			112.00	113.76	3.39%	
VJC	142.60	GIẢM	TĂNG		144.44			124.50	138.01	14.54%	
VNM	119.70	GIẢM	GIẢM		121.35				128.87		
VPB	19.20	GIẢM	GIẢM		19.96				21.37		
VRE	32.40	GIẢM	TĂNG		34.00			35.05	32.08	-7.56%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	13.55	GIẢM	GIẢM		14.33				15.40		
ANV	22.00	GIẢM	GIẢM	22.95	22.04	-3.98%	BÁN		25.91		
ASM	6.69	TĂNG	GIẢM	6.71	6.65	-0.30%			7.24		
BMI	24.90	GIẢM	TĂNG		25.42			26.70	23.99	-6.74%	
BMP	46.60	TĂNG	TĂNG	49.00	46.21	-4.90%		48.30	46.42	-3.52%	
BWE	25.00	TĂNG	GIẢM	25.10	23.87	-0.40%			25.84		
CEO	9.10	TĂNG	GIẢM	9.30	8.81	-2.15%			9.80		
CII	22.50	GIẢM	TĂNG		23.64			24.45	22.23	-7.98%	
CRE	23.85	GIẢM	GIẢM		24.03				25.03		
CTI	21.80	GIẢM	GIẢM		22.83				24.52		
CTR	40.10	TĂNG	GIẢM	43.30	40.08	-7.39%			51.29		
D2D	78.00	GIẢM	TĂNG		80.66			83.10	73.17	-6.14%	
DBD	56.10	GIẢM	TĂNG		60.10			38.65	54.36	45.14%	



We Create Fortune

DCM	6.63	GIẢM	GIẢM		6.78				7.30		
DGW	22.70	GIẢM	GIẢM		24.20				25.88		
DHC	39.00	GIẢM	TĂNG		41.40			37.70	36.98	3.45%	
DIG	13.40	GIẢM	GIẢM		13.90				14.69		
DPG	44.30	GIẢM	GIẢM		45.90				50.61		
DPM	12.90	GIẢM	GIẢM	13.50	12.96	-4.01%	BÁN		14.36		
DRC	22.45	GIẢM	TĂNG		23.82			21.60	21.25	3.94%	
DXG	13.95	GIẢM	GIẢM		14.60				16.12		
E1VFN30	14.30	GIẢM	GIẢM		14.78				15.57		
FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
FLC	4.68	TĂNG	TĂNG	4.61	4.45	1.52%		4.63	4.02	1.08%	
GEG	26.95	GIẢM	TĂNG		27.19			12.50	25.77	115.56%	
GMD	23.80	TĂNG	GIẢM	23.60	22.87	0.85%			25.34		
GTN	22.00	TĂNG	TĂNG	21.70	21.06	1.38%		15.00	18.98	46.67%	
HAG	3.95	TĂNG	GIẢM	3.86	3.82	2.33%			4.22		
HBC	10.60	GIẢM	GIẢM		11.45				12.77		
HCM	21.30	GIẢM	GIẢM		23.25			23.40	22.58	-3.51%	
HDC	23.20	TĂNG	TĂNG	23.10	21.99	0.43%		15.25	20.25	52.13%	
HDG	32.60	TĂNG	GIẢM	32.95	31.50	-1.06%			35.72		
HPX	26.30	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.36%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.13	TĂNG	TĂNG	8.40	8.00	-3.21%		7.75	6.98	4.90%	
HT1	14.95	TĂNG	TĂNG	15.25	14.66	-1.97%		16.90	13.91	-11.54%	
HTM	16.70	TĂNG	GIẢM	16.00	15.26	4.38%			18.47		
IBC	20.20	GIẢM	GIẢM		20.70				21.22		
IDI	5.20	TĂNG	GIẢM	5.45	5.13	-4.59%			5.89		
IJC	14.50	TĂNG	TĂNG	14.65	13.94	-1.02%		13.10	12.68	10.69%	
ITA	2.66	GIẢM	GIẢM		2.85				3.30		
KBC	14.85	GIẢM	TĂNG		15.08			14.85	14.00	0.02%	
KDC	18.50	GIẢM	TĂNG		19.55			20.82	18.08	-11.13%	
KOS	27.70	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	3.36%		26.30	25.20	5.32%	
KSB	17.85	TĂNG	GIẢM	17.75	17.04	0.56%			19.42		
LDG	8.50	GIẢM	GIẢM		9.24				10.22		
LPB	7.20	GIẢM	GIẢM		7.65				8.13		
MBG	24.50	GIẢM	GIẢM		31.64				47.45		
MBS	15.20	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	3.40%			15.75		
MPC	20.60	TĂNG	GIẢM	20.10	19.76	2.49%			23.55		
NBB	19.90	GIẢM	GIẢM		21.04				22.02		
NKG	6.77	TĂNG	TĂNG	6.50	6.75	4.15%		7.11	6.45	-4.78%	MUA

We Create Fortune

NLG	26.50	GIẢM	TĂNG		27.53			26.28	26.30	0.83%	
NT2	22.30	GIẢM	GIẢM		22.82				24.05		
NTL	23.85	TĂNG	GIẢM	24.40	23.42	-2.25%			24.88		
NVB	9.60	TĂNG	TĂNG	7.60	9.16	26.32%		8.50	8.20	12.94%	
OGC	3.68	TĂNG	GIẢM	3.75	3.51	-1.87%			4.07		
PC1	17.50	GIẢM	GIẢM		18.12				20.48		
PDR	25.50	GIẢM	TĂNG		27.13			23.59	25.39	8.07%	
PHR	51.10	GIẢM	GIẢM		54.87				63.14		
PPC	28.50	TĂNG	TĂNG	28.30	27.77	0.71%		28.40	24.50	0.35%	
PTB	72.00	GIẢM	TĂNG		72.64			60.78	68.51	18.46%	
PVD	15.20	GIẢM	GIẢM		15.20				17.08		
PVI	31.00	GIẢM	GIẢM		31.93				34.22		
PVS	17.90	TĂNG	GIẢM	17.80	16.94	0.56%			19.30		
PVT	16.60	GIẢM	TĂNG		17.18			17.31	16.28	-4.08%	
QCG	4.11	GIẢM	GIẢM		4.37				4.86		
SCR	5.54	GIẢM	TĂNG		5.99			6.33	5.40	-12.48%	
SGP	7.10	GIẢM	GIẢM		7.79				9.75		
SHB	6.20	TĂNG	GIẢM	6.40	5.95	-3.13%			6.73		
SHS	7.80	GIẢM	TĂNG		8.06			8.40	7.36	-7.14%	
SZC	16.75	GIẢM	#N/A		17.40				#N/A		
TCH	28.05	GIẢM	TĂNG	23.30	28.08	20.52%	BÁN	26.15	25.35	7.27%	
TCM	19.40	TĂNG	GIẢM	19.95	19.14	-2.76%			22.29		
TDH	9.92	GIẢM	GIẢM	10.25	9.92	-3.18%	BÁN		11.11		
TNG	15.50	TĂNG	GIẢM	15.10	14.47	2.65%			16.69		
TTB	3.67	GIẢM	GIẢM		5.19				9.73		
VGC	18.05	GIẢM	GIẢM		18.42				19.68		
VGT	8.10	GIẢM	GIẢM		8.90				8.95		
VHC	77.00	GIẢM	GIẢM		81.16				83.84		
VND	14.55	TĂNG	GIẢM	14.10	13.88	3.19%			14.88		
VNG	19.85	GIẢM	GIẢM		20.95				22.24		
VPI	41.20	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	-0.24%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	7.80	GIẢM	GIẢM		8.31				9.44		
AGR	3.47	GIẢM	GIẢM		3.57				4.20		

We Create Fortune

AMD	2.46	GIẢM	TĂNG	1.77	2.53	43.19%	BÁN	1.70	1.60	44.71%
APG	9.60	TĂNG	TĂNG	8.76	9.49	9.59%		9.90	8.56	-3.03%
ART	2.70	TĂNG	TĂNG	2.00	2.43	35.00%		2.30	1.54	17.39%
BCG	8.14	GIẢM	TĂNG		8.65			6.39	7.47	27.39%
C4G	5.90	GIẢM	GIẢM		6.24				6.98	
C69	8.90	GIẢM	GIẢM		10.45				17.51	
CCL	7.21	TĂNG	TĂNG	6.80	6.91	6.03%		7.88	5.58	-8.50%
CVT	20.40	GIẢM	GIẢM		21.33				22.85	
DAH	10.30	TĂNG	GIẢM	9.99	9.51	3.10%			11.27	
DLG	1.60	GIẢM	GIẢM	1.60	1.63	2.06%	BÁN		1.65	
DRH	4.37	GIẢM	GIẢM		4.81				5.83	
DTD	9.70	GIẢM	GIẢM		10.59				13.70	
EVG	2.63	GIẢM	GIẢM		2.76				2.90	
FIT	9.10	TĂNG	TĂNG	4.49	7.81	102.67%		3.64	4.64	150.00%
FTM	2.34	GIẢM	GIẢM		2.71				4.98	
FUES SV50	12.45	GIẢM	GIẢM		12.71				13.26	
GKM	14.90	TĂNG	GIẢM	15.00	14.44	-0.67%			15.51	
HAH	12.00	GIẢM	GIẢM		12.67				14.16	
HAI	3.72	TĂNG	TĂNG	1.69	3.68	120.12%		1.88	2.21	97.87%
HAR	4.50	GIẢM	TĂNG		5.18			3.90	3.28	15.38%
HDA	10.20	GIẢM	GIẢM		10.87				11.79	
HHP	12.00	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-1.64%			13.24	
HHS	3.24	GIẢM	TĂNG	3.43	3.30	-3.85%	BÁN	3.36	2.94	-3.57%
HID	2.16	GIẢM	TĂNG		2.27			2.63	2.16	-17.87%
HII	10.00	TĂNG	GIẢM	10.20	9.88	-1.96%			11.16	
HQC	1.09	GIẢM	GIẢM	1.05	1.10	5.07%	BÁN		1.12	
HSL	7.59	GIẢM	GIẢM		8.08				8.77	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71	
HVG	8.31	TĂNG	TĂNG	7.82	7.83	6.27%		3.90	6.61	113.08%
HVH	17.90	TĂNG	GIẢM	17.90	17.78	0.00%	MUA		20.24	
IDJ	6.70	GIẢM	TĂNG		7.37			7.20	5.42	-6.94%
JVC	3.61	GIẢM	GIẢM		3.94				4.75	
KLF	1.70	TĂNG	TĂNG	1.40	1.52	21.43%		1.50	0.95	13.33%
LCG	8.15	TĂNG	GIẢM	8.54	7.97	-4.57%			8.76	
LGL	7.68	GIẢM	GIẢM		8.88			7.11	8.39	17.90%
LHG	15.20	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89	
LMH	11.75	GIẢM	#N/A		12.26				#N/A	
MST	4.70	GIẢM	TĂNG	3.80	4.79	26.10%	BÁN	3.40	4.08	38.24%



We Create Fortune

NDN	16.90	TĂNG	TĂNG	17.40	16.71	-2.87%		13.10	16.27	28.96%	
PHC	10.85	GIẢM	GIẢM		11.40			12.20	11.21	-8.08%	BÁN
PLP	9.80	GIẢM	GIẢM		10.28				11.39		
PVB	18.70	GIẢM	TĂNG		19.03			19.42	18.62	-3.69%	BÁN
PVC	7.00	GIẢM	TĂNG		7.26			6.70	6.66	4.48%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.34				1.46		
PXL	7.50	GIẢM	TĂNG		8.19			6.70	6.64	11.94%	
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	56.11%	
SJF	2.24	GIẢM	GIẢM		2.35				2.79		
SPP	2.10	GIẢM	GIẢM		2.14				2.70		
TDC	8.30	GIẢM	GIẢM		8.41				9.13		
TIG	6.30	GIẢM	TĂNG		7.05			3.20	5.49	96.88%	
TLH	4.19	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	3.20%			4.43		
TNA	26.95	TĂNG	TĂNG	13.70	24.59	96.72%		11.45	21.09	135.35%	
TNI	10.10	GIẢM	TĂNG		11.01			10.90	9.89	-7.34%	
TSC	2.79	TĂNG	GIẢM	2.95	2.78	-5.42%			3.45		
TTF	2.74	TĂNG	GIẢM	2.74	2.73	0.00%	MUA		3.20		
TTH	2.70	GIẢM	GIẢM		2.73				3.03		
TVC	17.50	TĂNG	TĂNG	16.90	16.46	3.55%		14.30	14.73	22.38%	
VC3	17.50	TĂNG	TĂNG	17.60	16.87	-0.57%		22.00	16.32	-20.45%	
VCR	13.10	TĂNG	GIẢM	14.60	13.05	-10.27%			19.21		
VNA	2.80	GIẢM	GIẢM		3.47				5.14		
VNE	3.50	GIẢM	GIẢM	3.80	3.58	-5.88%	BÁN		3.70		
VRC	24.95	TĂNG	TĂNG	16.05	22.72	55.45%		17.30	20.63	44.22%	

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	952.26	0.12%	HNI	102	0.20%	UPCoM	55.47	0.31%
VN30	862.23	-0.11%	HN30	181.98	0.37%			
VN Mid	924.84	-0.50%	VNX	834.64	-0.10%			
VN Small	792.11	-0.13%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	833.09		Mua	2.23		Mua	6.33	
Bán	639.71		Bán	5.80		Bán	2.81	
GT ròng	193.38		GT ròng	-3.57		GT ròng	3.52	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTF	140	5.38%	MBS	1000	7.04%	KDF	1500	5.00%
FIT	400	4.60%	TNG	600	4.03%	VTP	3800	3.36%
KSB	500	2.88%	TAR	900	3.15%	BOT	500	0.91%
HVN	900	2.70%	PLC	300	2.75%	VIB	100	0.59%
SMB	900	2.34%	TVC	300	1.74%	SDI	400	0.36%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAI	-280	-7.00%	CSC	-3800	-9.82%	CTR	-2300	-5.42%
HQC	-80	-6.84%	TIG	-200	-3.08%	OIL	-400	-4.40%
TCH	-1450	-4.92%	MBG	-500	-2.00%	BSR	-200	-2.41%
HHS	-160	-4.71%	NVB	-100	-1.03%	LPB	-100	-1.37%
TNI	-300	-2.88%	VCS	-800	-0.96%	NTC	-2000	-1.19%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	390,081		ACB	37,272		ACV	162,787	
VCB	326,381		VCS	13,152		VGI	76,311	
VHM	275,990		VCG	11,882		VEA	64,525	
VNM	208,443		PVS	8,556		MCH	50,896	
GAS	183,356		SHB	7,459		GVR	47,720	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	33,662,550	35,616,592	SHB	2,917,570	3,014,517	SIP	1,857,472	225,958
HAI	12,877,590	5,174,479	VCG	2,803,692	537,134	BSR	1,240,446	1,606,505
TCB	12,846,590	5,213,676	KLF	2,525,416	1,959,060	TOP	434,800	151,145
HPG	11,868,740	7,762,931	ART	2,328,211	1,755,630	CTR	432,790	295,258
AMD	9,124,080	4,801,298	HUT	2,146,241	1,246,088	GVR	386,740	401,710

Nguồn: Bloomberg & YSVN

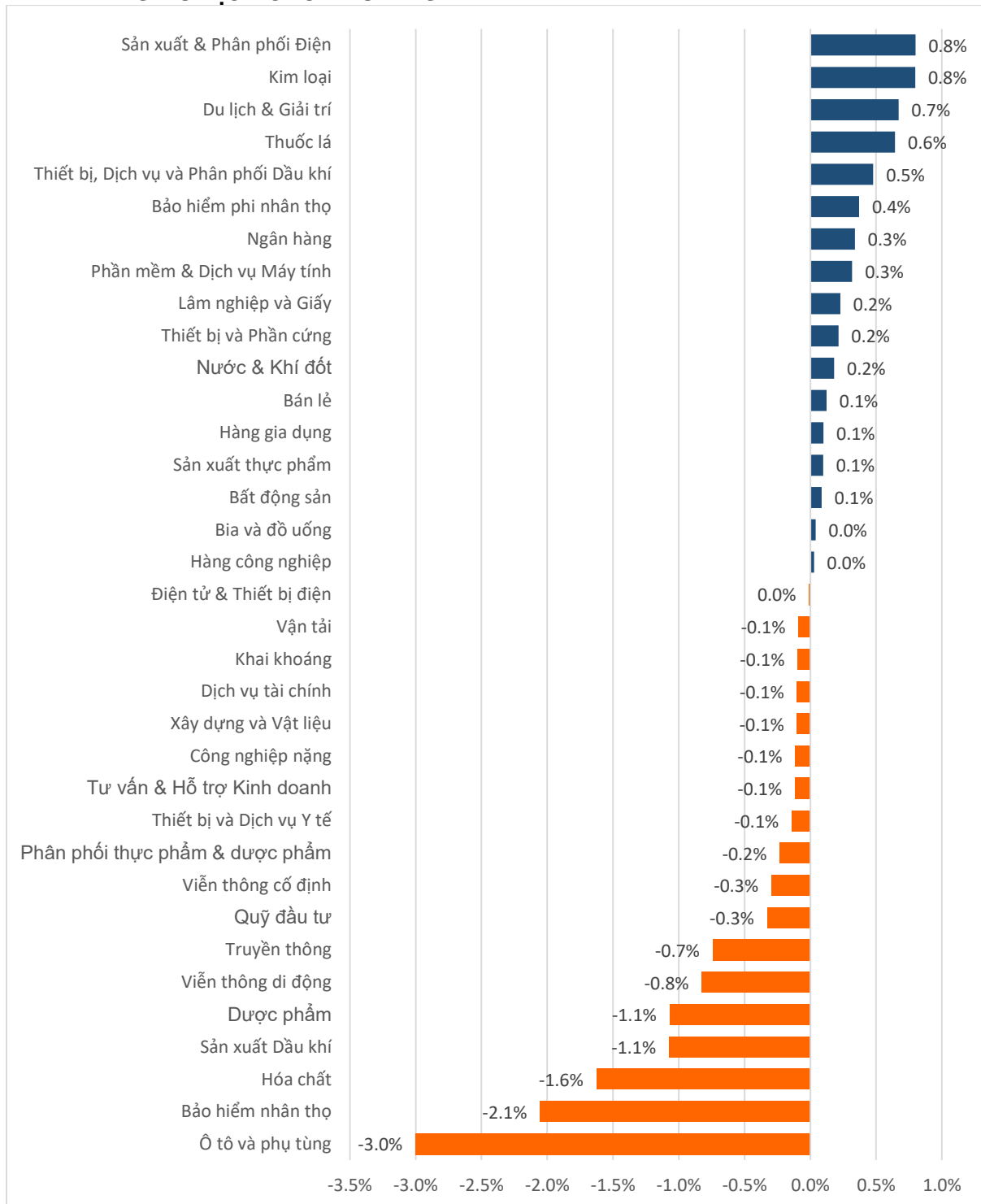
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



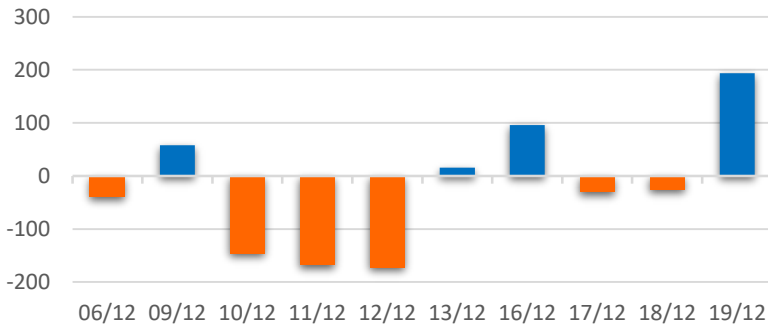
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

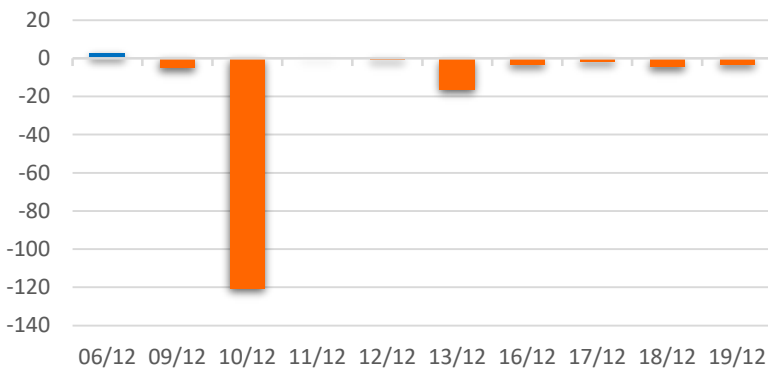
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	87,835	VIC	40,913
VCB	65,363	STB	9,172
E1VFN30	30,604	MSN	6,646
HPG	22,882	HDB	5,218
KBC	19,973	PHR	3,997

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

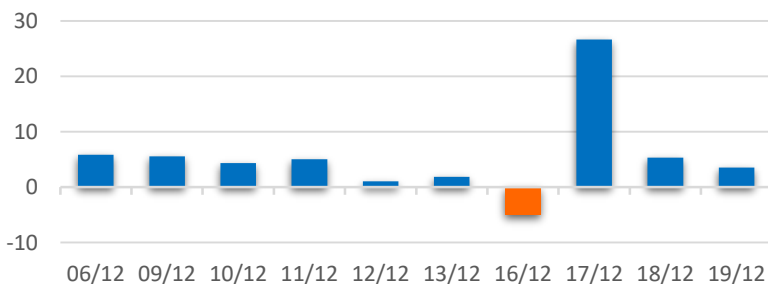
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HUT	1,008	SHB	3,790
IDV	319	VNR	875
MST	187	HDA	298
TIG	112	VCS	190
IVS	85	LHC	124

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	2,815	VEA	3,049
LPB	2,028	ACV	2,509
QNS	1,401	HND	2,445
GVR	855	BSR	2,203
SKH	134	OIL	662

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



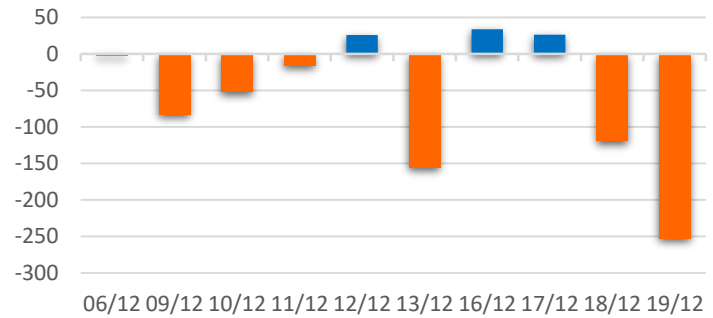
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

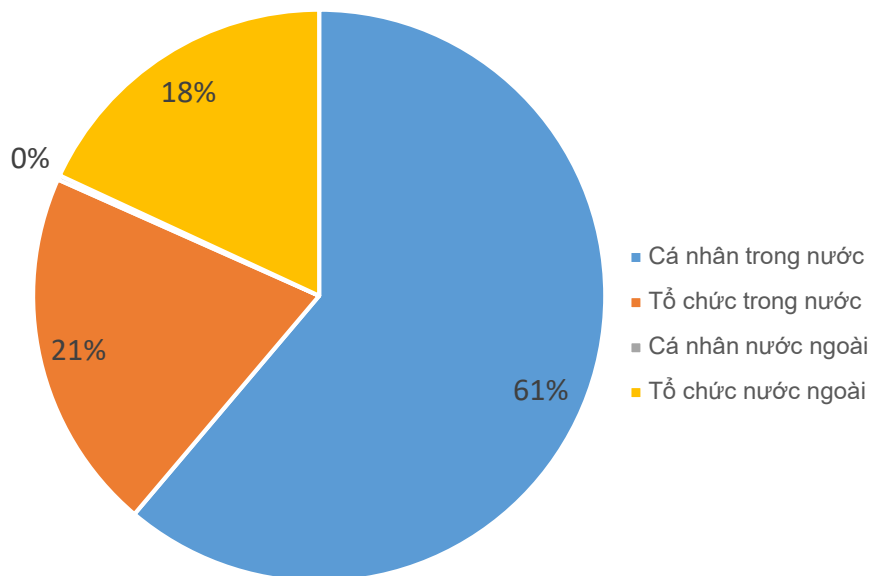
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TCB	46,097	E1VFN30	33,134
TPB	37,740	VNM	24,604
MSN	5,675	TCB	23,549
VHM	4,713	GEX	22,303
HPG	4,524	VIC	22,108

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

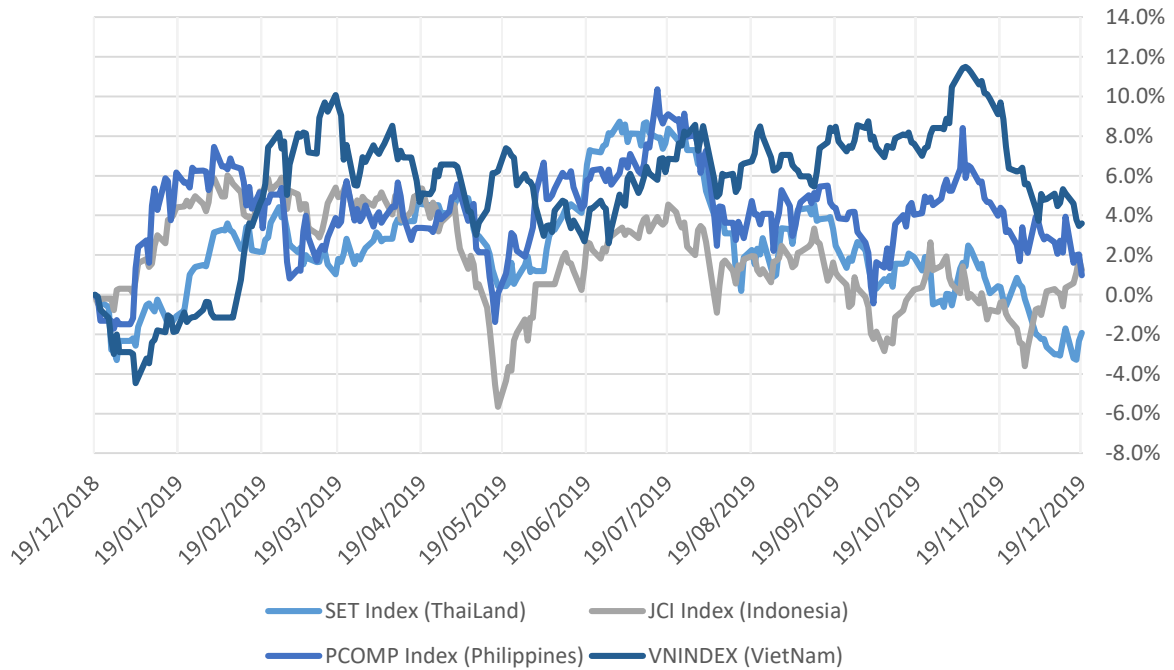


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

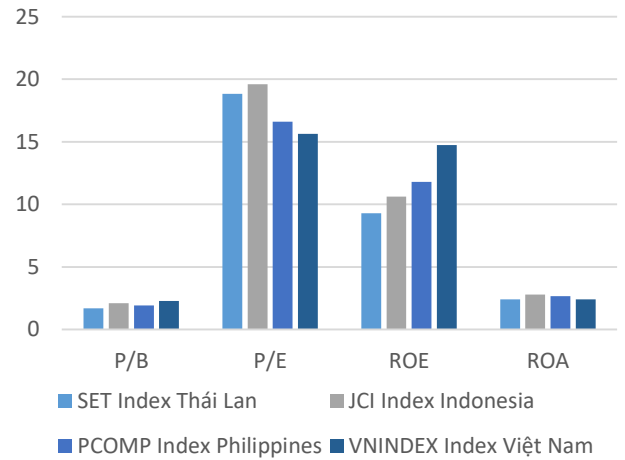
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	1.9x	2.3x
P/E		18.8x	19.6x	16.6x	15.6x
ROE	%	9.28	10.61	11.79	14.74
ROA	%	2.41	2.79	2.66	2.42
Vốn hóa	Tỷ USD	547.91	519.55	190.59	140.00
GTGD	Triệu USD	1.42	0.51	0.10	0.14
LS cổ tức	%	3.22	2.42	1.64	2.03

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written